TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:239/2021/KDTM-ST Ngày: 30/12/2021 *Về việc:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Minh Cường.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Ngô Thị Yêm
2. Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 116/2021/TLST-KDTM ngày 29 tháng 05 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST- KDTM ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV *(sau đây gọi tắt là V)*; Trụ sở: Số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô ChíDD– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý *(Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020)*.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn DD – Trưởng bộ phận Xử lý nợ; bà Quách Thị H và ông Nguyễn Tuấn A – Chuyên viên xử lý nợ *(Văn bản ủy quyền số 73686/2021/UQ-LCC-KHCNMB ngày 04/12/2021)*.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Đỗ Trung K – Sinh năm 1981; 2.2. Bà Trần Thị B – Sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn BK, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 3.1. Anh Đỗ Tuấn A – Sinh năm 2002; 3.2. Cháu Đỗ Anh H – Sinh năm 2007.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn BK, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H là là ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LN1911131865103 ký ngày 22/11/2019: Số tiền vay: 770.000.000 đồng; Thời hạn vay: 9 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất gỗ; Lãi suất trong hạn: 9.5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày 26/11/2019. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/02/2020, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 9 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vsbank.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4.8%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019 với nội dung: Số tiền vay: 125.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV.

Phụ lục hợp đồng số LN1906271490222/PLHĐ ký ngày 07/10/2020 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2021 với nội dung: Gia hạn số tiền nợ gốc đến ngày 03/6/2024; Lãi suất: Áp dụng như Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019.

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 có địa chỉ: Thôn BK, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH582818 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trần Thị B ngày 14/01/2017.

Đến nay ngân hàng yêu cầu ông K, bà B trả nợ (tính đến ngày 30/12/2021):

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN1911131865103 ký ngày 22/11/2019: Nợ gốc: 769.718.951 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.200.124 đồng; Lãi quá hạn: 183.067.124 đồng; Phạt chậm trả: 15.008.246 đồng.Tổng nợ = 983.994.568 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019: Nợ gốc: 115.931.071 đồng; Nợ lãi trong hạn: 14.505.518 đồng; Lãi quá hạn: 43.143.987 đồng; Phạt chậm trả: 26.281.609 đồng. Tổng nợ = 199.862.185 đồng.

Trường hợp ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 có địa chỉ: Thôn BK, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH582818 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trần Thị B ngày 14/01/2017.

* Bị đơn, ông Đỗ Trung K trình bày: Ông K đồng ý về việc ông và vợ là bà Trần Thị B có ký Hợp đồng tín dụng số LN1911131865103 ký ngày 22/11/2019 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019, phụ lục hợp đồng số LN1906271490222/PLHĐ ký ngày 07/10/2020 với Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV. Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN1911131865103 ký ngày 22/11/2019, vợ chồng ông có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 có địa chỉ: Thôn BK, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH582818 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trần Thị B ngày 14/01/2017.

Ông K nhất trí với số tiền còn nợ Ngân hành tính đến ngày 18/11/2021 như đã nêu ở trên. Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019, ông K xác định là Hợp đồng vay không có tài sản thế chấp nên không đồng ý ngân hàng sẽ xử lý tài sản thế chấp trên để khấu trừ khoản nợ này.

Bà Trần Thị B nhất trí với lời khai và yêu cầu của ông K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc qui định về pháp luật tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án.
- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Toà án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí buộc bị đơn phải chịu loại án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền còn phải trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ. Xét việc vắng mặt của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và dành quyền kháng cáo cho họ theo qui định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 30/12/2021, ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN1911131865103 ký ngày 22/11/2019: Nợ gốc: 769.718.951 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.200.124 đồng; Lãi quá hạn: 183.067.124 đồng; Phạt chậm trả: 15.008.246 đồng.Tổng nợ = 983.994.568 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019: Nợ gốc: 115.931.071 đồng; Nợ lãi trong hạn: 14.505.518 đồng; Lãi quá hạn: 43.143.987 đồng; Phạt chậm trả: 26.281.609 đồng. Tổng nợ = 199.862.185 đồng.

Xét thấy: Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng tín dụng bên cho vay, bên vay đều có đầy đủ tư cách pháp nhân; Hợp đồng ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp qui định của pháp luật do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

Bị đơn trong vụ này đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V.

[2.2] Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 có địa chỉ: Thôn BK, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH582818 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trần Thị B ngày 14/01/2017.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do ông K và bà B ký với V ngày 22/11/2019 tại mục 1, Điều 2 của Hợp đồng thế chấp có ghi: "Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường... của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụngđược ký kết giữa bên thế chấp với bên Ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này..."

Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu V về nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp trên đối với toàn bộ khaonr nợ của ông K và bà B phát sinh trước, trong và sau khi ký hợp đồng thế chấp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bị đơn phải nộp án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm loại có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

[3.2] Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Căn cứ vào Các Điều 351, 353, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị Ban.

2. Buộc ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B trả nợ cho Ngân hàng V *(tính đến ngày 30/12/2021)* tổng số tiền là 1.183.856.753 đồng, theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN1911131865103 ký ngày 22/11/2019: Nợ gốc: 769.718.951 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.200.247 đồng; Lãi quá hạn: 183.067.124 đồng; Phạt chậm trả: 15.008.246 đồng. Tổng nợ = 983.994.568 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019: Nợ gốc: 115.931.071 đồng; Nợ lãi trong hạn: 14.505.518 đồng; Lãi quá hạn: 43.143.987 đồng; Phạt chậm trả: 26.281.609 đồng. Tổng nợ = 199.862.185 đồng.

3. Kể từ ngày 01/01/2022, hàng tháng ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B còn phải tiếp tục trả cho V khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1911131865103 ký ngày 22/11/2019 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân số LN1906271490222 ký ngày 18/6/2019 với V.

4. Trường hợp ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 có địa chỉ: Thôn BK, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH582818 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trần Thị B ngày 14/01/2017) để thu hồi nợ.

5. Án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: Buộc ông Đỗ Trung K và bà Trần Thị B phải nộp 47.515.000đ *(Bốn mươi bảy triệu,năm trăm mười lăm nghìn đồng)* để sung ngân sách Nhà nước; Hoàn trả lại cho Ngân hàng V 21.342.000đ *(Hai mốt triệu,ba trăm bốn hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0045242 ngày 24/05/2021của Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường